

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất ghế sofa với công suất 500.000 sản phẩm/năm” do Công ty TNHH High Line Smart Home Vietnam làm chủ đầu tư tại lô F5, đường Đ4, KCN Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế sau khi lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức, chuyên gia về việc thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất ghế sofa (công suất 500.000 sản phẩm/năm)”;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất ghế sofa với công suất 500.000 sản phẩm/năm” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 04/HLSM ngày 29/10/2021 của Công ty TNHH High Line Smart Home Vietnam;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 81/TTr-BQL ngày 09/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất ghế sofa với công suất 500.000 sản phẩm/năm” (sau đây gọi là Dự án) do Công ty TNHH High Line Smart Home Vietnam làm chủ đầu tư (sau đây gọi là Chủ Dự án) tại lô F5, đường Đ4, KCN Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật (trừ trường hợp được miễn tham vấn).
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này; tổ chức kiểm tra và cấp Giấy xác nhận việc hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Chơn Thành, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH High Line Smart Home Vietnam và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 5;
- UBND xã Minh Hưng;
- Công ty CP KCN Cao su Bình Long;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT_(BH-81-QDPD-11 11).

Kí: CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN “NHÀ MÁY SẢN XUẤT GHẾ SOFA VỚI CÔNG SUẤT
500.000 SẢN PHẨM/NĂM” DO CÔNG TY TNHH HIGH LINE
SMART HOME VIETNAM LÀM CHỦ ĐẦU TƯ TẠI LÔ F5, ĐƯỜNG Đ4,
KCN MINH HƯNG III, XÃ MINH HƯNG,
HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC
(Kèm theo Quyết định số 2920.../QĐ-UBND ngày 12.../11/2021
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Nhà máy sản xuất ghế sofa với công suất 500.000 sản phẩm/năm.

1.2. Địa điểm thực hiện: Lô F5, đường Đ4, KCN Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (thuê lại nhà xưởng của Công ty TNHH MTV Gỗ Trạch Lâm).

1.3. Chủ đầu tư: Công ty TNHH High Line Smart Home Vietnam.

Địa chỉ liên hệ: Lô F5, đường Đ4, KCN Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

Dự án “Nhà máy sản xuất ghế sofa với công suất 500.000 sản phẩm/năm” thực hiện trên diện tích 23.837,4 m² tại lô F5, đường Đ4, KCN Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (thuê lại nhà xưởng và các hạng mục phụ trợ của Công ty TNHH MTV Gỗ Trạch Lâm) bao gồm các hạng mục sau:

- Công trình chính: Nhà xưởng 1, nhà xưởng 2, nhà văn phòng, kho hóa chất, nhà kho...

- Công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống thu gom và xử lý bụi, hệ thống thu gom và xử lý hơi keo, bể tự hoại, kho chứa chất thải rắn công nghiệp không nguy hại, kho chứa chất thải nguy hại...

- Đường giao thông nội bộ, sân; cây xanh; các công trình phụ trợ.

1.5. Công nghệ sản xuất của Dự án: Quy trình sản xuất ghế sofa như sau:

Gỗ, ván → Cắt, đục lỗ → Khoan lỗ, bắt vít, tạo khung → Bán thành phẩm gỗ (1)

Mút xốp, bông gòn đã nhồi bông, bán thành phẩm gỗ (1) → Dán vào giá gỗ → Bán thành phẩm (2).

Da bò/PVC/PU giả da → Cắt → May → Bán thành phẩm (3)

Bán thành phẩm (2) và (3) → Bọc da → Bắn đinh → Lắp ráp → Đóng gói → Lưu kho, xuất bán.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

Chủ Dự án thuê lại nhà xưởng của Công ty TNHH Gỗ Trạch Lâm và các hạng mục công trình phụ trợ khác. Để đáp ứng nhu cầu hoạt động, Chủ Dự án lắp đặt máy móc, thiết bị sản xuất và lắp đặt hệ thống xử lý bụi, hệ thống xử lý khí thải (hơi keo).

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị:* Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển và hoạt động lắp đặt máy móc, thiết bị; nước mưa chảy tràn; nước thải sinh hoạt; chất thải rắn thi công; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải nguy hại; tiếng ồn của các phương tiện thi công và lắp đặt máy móc thiết bị.

- *Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:* Bụi, khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào khu vực Dự án; bụi từ quá trình cắt, may; bụi từ công đoạn cắt, khoan gỗ; hơi keo từ quá trình dán bông mút, vải; nước thải sinh hoạt của công nhân viên; chất thải rắn sinh hoạt của công nhân viên, chất thải rắn công nghiệp không nguy hại và chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị: Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng $0,45 \text{ m}^3/\text{ngày}$, chứa các thành phần gây ô nhiễm môi trường nước như: Các chất cặn bã, các chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng (N, P) và các loại vi sinh vật.

2.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khoảng $20,25 \text{ m}^3/\text{ngày}$, chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm gồm: Các chất cặn bã, chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD_5 , COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật gây bệnh (coliform, E.Coli).

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn thi công, lắp đặt máy móc, thiết bị: Bụi, khí thải do các phương tiện vận chuyển, hoạt động lắp đặt máy móc, thiết bị sản xuất có chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, SO_2 , NO_2 , CO, VOC...

2.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Bụi, khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào khu vực Dự án:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, NO_2 , SO_2 , CO, HC.

- *Bụi, khí thải từ quá trình sản xuất:* Phát sinh từ công đoạn cắt may, khoan cắt gỗ, dán keo, có chứa thành phần ô nhiễm như bụi, hơi keo (butadien, isoprene).

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại*: Phát sinh khoảng 33,4 kg trong quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị, thành phần chủ yếu là bao bì giấy, nilông, sắt thép vụn...

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 09 kg/ngày, thành phần gồm rau, vỏ hoa quả, giấy, vỏ đồ hộp... Chất thải sinh hoạt có chứa 76% - 82% chất hữu cơ và 18% - 24% các chất khác.

2.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường*: Gỗ vụn, bụi gỗ, da, vải vụn phát sinh từ quá trình cắt may, khoan cắt gỗ phát sinh khoảng 760 kg/ngày.

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 405 kg/ngày, thành phần gồm các loại chất thải khác nhau như rau, vỏ hoa quả, xương, giấy, vỏ đồ hộp...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị: Phát sinh khoảng 17,5 kg trong suốt quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị, gồm: giẻ lau, bao bì cứng có dính thành phần nguy hại; que hàn thải, xỉ hàn, sơn thải và 05 - 10 lít dầu nhớt thải.

2.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành: Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 28 kg/ngày gồm: Bóng đèn huỳnh quang thải; bao bì đựng hoá chất, giẻ lau dính các thành phần nguy hại; pin, ắc quy thải; mực in thải chứa thành phần nguy hại; than hoạt tính đã qua sử dụng quá trình xử lý khí thải.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt*: Sử dụng nhà vệ sinh hiện hữu và bể tự hoại 05 ngăn (có công đoạn khử trùng), sau đó, nước thải được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng III để tiếp tục xử lý.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt, của Dự án đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng III để tiếp tục xử lý.

3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt*: Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại → Bể khử trùng → Đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng III.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt, của Dự án đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của

KCN Minh Hưng III đề tiếp tục xử lý. Bùn, cặn lắng phải được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý theo đúng quy định.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển và hoạt động của máy móc thiết bị:* Có kế hoạch thi công thích hợp, trang bị bảo hộ lao động cho công nhân, thiết bị máy móc được sử dụng đảm bảo kỹ thuật...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng, khu vực sản xuất hiện hữu đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào nhà máy:* Kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng xe định kỳ; hệ thống giao thông nội bộ được bê tông hóa; bố trí bãi đỗ xe hợp lý cho công nhân...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình sản xuất:*

+ Tại công đoạn khoan lỗ, cắt xẻ gỗ: Lắp đặt thiết bị cyclone để xử lý bụi với quy trình xử lý như sau: Bụi gỗ → Hệ thống đường ống thu gom → Quạt hút → Hệ thống lọc bụi cyclone → Ống khói thải ra môi trường.

+ Tại công đoạn cắt may: Lắp đặt quạt hút trên tường nhà xưởng và gắn túi vải để thu gom, xử lý bụi với quy trình xử lý như sau: Bụi vải, bụi da → Quạt hút → Túi vải → Phán tán ra môi trường

+ Tại công đoạn phun keo: Lắp đặt hệ thống xử lý khí thải với quy trình xử lý như sau: Hơi keo → Chụp hút → Đường ống thu gom → Than hoạt tính → Quạt hút → Ống khói thải ra môi trường.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:*

Môi trường không khí khu vực sản xuất đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

Thu gom, xử lý bụi, khí thải công nghiệp phát sinh trong quá trình vận hành của Dự án đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B (căn cứ lưu lượng nguồn thải phát sinh để áp dụng hệ số k_p ; $k_v=1$); QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

3.3.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Thu gom, lưu trữ trong các thùng chứa và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại*: Thu gom, phân loại và lưu chứa tại khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp hiện hữu, diện tích 90 m² và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp không nguy hại phát sinh trong quá trình thi công đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Thu gom vào các thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom, vận chuyển, xử lý: Hàng ngày.

- *Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại*: Thu gom, phân loại và lưu chứa tại khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp hiện hữu, diện tích 90 m² và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý với tần suất 02 ngày/lần, cụ thể như sau:

+ Đối với chất thải rắn sản xuất có thể tái sử dụng (phế phẩm gỗ, bụi gỗ) được phân loại, thu gom về khu vực tập kết và hợp đồng chuyên giao cho đơn vị có nhu cầu theo đúng quy định của pháp luật.

+ Đối với chất thải rắn sản xuất không thể tái sử dụng (da vụn, bông mút vụn) được lưu chứa tại khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp không nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành của Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi,

bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị:

- Thu gom, phân loại chất thải nguy hại vào thùng chứa có nắp đậy, dán nhãn... và lưu chứa kho chứa chất thải nguy hại hiện hữu (nền láng xi măng, mái lợp bằng tôn, vách tôn, có dán nhãn cảnh báo và gờ rãnh quanh nền của nhà máy theo đúng quy định) diện tích 60 m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- Thu gom, phân loại chất thải nguy hại vào thùng chứa có nắp đậy, dán nhãn... và lưu chứa kho chứa chất thải nguy hại hiện hữu (nền láng xi măng, mái lợp bằng tôn, vách tôn, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có dán nhãn cảnh báo và gờ rãnh quanh nền của nhà máy theo đúng quy định) diện tích 60 m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Tần suất thu gom, vận chuyển và xử lý: 02 - 03 lần/tháng.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành của Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:* Sử dụng các máy móc, thiết bị chuyên dụng; sắp xếp thời gian thi công hợp lý; thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra các phương tiện giao thông...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ

thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công của Dự án.

3.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung, nhiệt thừa:* Lắp đặt thiết bị có chất lượng tốt đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật; lắp đệm chống rung cho các máy móc thiết bị có độ rung cao; thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, trang thiết bị; trang bị thiết bị bảo hộ lao động, nút bịt tai cho công nhân; bố trí cửa thông thoáng; trang bị quạt thông gió dọc theo hai bên tường nhà xưởng; trồng cây xanh, thảm cỏ xung quanh nhà máy để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tới môi trường xung quanh...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Bố trí mặt bằng trong khuôn viên nhà máy để trồng cây xanh, đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh đạt tối thiểu 20% tổng diện tích của Dự án. Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành của Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

3.6.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị: Thực hiện các biện pháp để phòng ngừa, ứng phó tai nạn lao động, các sự cố về cháy nổ... theo đúng nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và tuân thủ các quy định hiện hành.

3.6.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành: Áp dụng đầy đủ các biện pháp ứng phó, phòng ngừa sự cố môi trường đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng chống cháy nổ, ứng cứu sự cố, rủi ro và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ hoạt động của Dự án. Trường hợp xảy ra sự cố ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe cộng đồng, Chủ Dự án phải chủ động tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố và khẩn trương báo cáo cho các cơ quan thẩm quyền để giải quyết sự cố theo quy định.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa, nước thải.
- Bể tự hoại 05 ngăn: 03 bể tự hoại, có tổng dung tích là 43,5 m³ và bể khử trùng có thể tích 0,5 m³ đã được Công ty TNHH MTV Gỗ Trạch Lâm xây dựng.
- Công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp không nguy hại 90 m².
- Công trình lưu giữ chất thải nguy hại, diện tích 60 m².
- Công trình, hệ thống thu gom, xử lý bụi gỗ (số lượng: 01 hệ thống; công suất quạt hút thiết kế: 4.000 m³/giờ).

- Công trình, hệ thống thu gom, xử lý hơi keo (số lượng: 01 hệ thống; công suất quạt hút thiết kế: 60.000 m³/giờ).

- Công trình, hệ thống quạt hút kết hợp thiết bị lọc bụi túi vải (số lượng: 05 hệ thống; công suất quạt hút thiết kế: 30.000 m³/giờ/cái).

- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:

5.1. Giai đoạn vận hành thử nghiệm:

5.1.1. Giám sát nước thải:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại vị trí hố ga nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý tập trung của KCN Minh Hưng III.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, COD, BOD₅, chất rắn lơ lửng, tổng N, tổng P, coliform, dầu mỡ khoáng.

- *Tần suất giám sát:* Theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- *Quy chuẩn so sánh:* Tiêu chuẩn đầu nối nước thải của KCN Minh Hưng III (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

5.1.2. Giám sát khí thải:

- *Vị trí giám sát và thông số giám sát:*

+ 01 vị trí tại miệng thải của hệ thống cyclone: Lưu lượng, bụi.

+ 01 vị trí tại miệng thải hệ thống xử lý khí thải hơi keo: Lưu lượng, butadien, VOC.

- *Tần suất giám sát:* Theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (căn cứ lưu lượng nguồn thải phát sinh để áp dụng hệ số k_p phù hợp, k_v=1); QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ và quy chuẩn hiện hành.

5.1.3. Giám sát không khí khu vực sản xuất:

- *Vị trí giám sát và thông số giám sát:*

+ 01 vị trí tại khu vực khoan, cắt, cưa gỗ: Vi khí hậu, bụi, ồn, CO, SO₂, NO₂.

+ 01 vị trí tại khu vực cắt may: Vi khí hậu, bụi, ồn, CO, SO₂, NO₂.

+ 01 vị trí tại khu vực lắp ráp: Vi khí hậu, bụi, ồn, CO, SO₂, NO₂.

+ 01 vị trí tại khu vực phun keo: Vi khí hậu, bụi, ồn, CO, SO₂, NO₂, butadien, VOC.

- *Tần suất giám sát*: 01 lần trong quá trình vận hành thử nghiệm.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng*: QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc, QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc, Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy định hiện hành.

5.1.4. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát*: Khu vực lưu trữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát*: Khối lượng, thành phần, hoá đơn, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát*: Thường xuyên và liên tục.

- *Quy định áp dụng*: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

5.2. Giai đoạn vận hành:

5.2.1. Giám sát môi trường không khí khu vực sản xuất:

- *Vị trí giám sát và thông số giám sát*:

+ 01 vị trí tại khu vực khoan, cắt, cưa gỗ: Vi khí hậu, bụi, ồn, CO, SO₂, NO₂.

+ 01 vị trí tại khu vực cắt may: Vi khí hậu, bụi, ồn, CO, SO₂, NO₂.

+ 01 vị trí tại khu vực lắp ráp: Vi khí hậu, bụi, ồn, CO, SO₂, NO₂.

+ 01 vị trí tại khu vực phun keo: Vi khí hậu, bụi, ồn, CO, SO₂, NO₂, butadien, VOC.

- *Tần suất giám sát*: 06 tháng/lần

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng*: QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc, QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ

thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc, Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy định hiện hành.

5.2.2. Giám sát khí thải:

- * *Giám sát khí thải sau hệ thống xử lý bụi.*
 - *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại miệng thải của hệ thống cyclone.
 - *Thông số giám sát:* Lưu lượng, bụi.
 - *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.
 - *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B (căn cứ lưu lượng nguồn thải phát sinh để áp dụng hệ số k_p phù hợp, $k_v = 1$).
- * *Giám sát hơi hoá chất sau hệ thống xử lý:*
 - *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại miệng thải hệ thống xử lý khí thải hơi keo.
 - *Thông số giám sát:* Lưu lượng, butadien, VOC.
 - *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.
 - *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 20:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ và quy chuẩn hiện hành.

5.2.3. Giám sát nước thải:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại hồ ga thoát nước thải cuối cùng trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Minh Hưng III.
- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, COD, BOD₅, chất rắn lơ lửng, tổng N, tổng P, coliform, dầu mỡ khoáng.
- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.
- *Quy chuẩn so sánh:* Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Minh Hưng III (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

5.2.4. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu trữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.
- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, hoá đơn, chứng từ giao nhận.
- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên và liên tục; báo cáo định kỳ về cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng*: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

6.1. Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo đúng quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

6.2. Tuân thủ Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

6.3. Tuân thủ các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định hiện hành.

6.4. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.5. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho Dự án.

6.6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

6.7. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

6.8. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành./.